

Số: 955/BVĐKCL-CNTT
V/v Mời chào giá

Cai Lậy, ngày 13 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm “Mua bản quyền phần mềm và Thuê dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phòng máy chủ, hệ thống mạng nội bộ năm 2026 - 2028”.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy mời các nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ báo giá theo danh mục và biểu mẫu chào giá với các nội dung như sau:

1. Nội dung mời chào giá:

Đính kèm Danh mục hàng hóa, dịch vụ

- Giá trên đã bao gồm thuế VAT, giao hàng và các chi phí có liên quan (nếu có).

- Các công ty, nhà cung cấp tham gia báo giá có thể **báo giá một hoặc nhiều phần lô**.

2. Biểu mẫu chào giá: Theo mẫu đính kèm

3. Nơi nhận bảng chào giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Công nghệ thông tin - Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy (Địa chỉ: số 398, đường Quốc lộ 1, Khu phố 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp, số điện thoại: 02733 710 072).

- Nhận qua đường bưu điện gửi về địa chỉ: Phòng Công nghệ thông tin - Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy (Địa chỉ: số 398, đường Quốc lộ 1, Khu phố 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp, số điện thoại: 02733 710 072).

- Ngoài bì thư ghi rõ: “Báo giá bản quyền phần mềm tường lửa và Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phòng máy chủ hệ thống mạng nội bộ năm 2026 - 2028”.

- Nhận qua email: cailay.bvdkkv@dongthap.gov.vn

- Thời hạn: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **21/5/2026**. (Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **90 ngày**, kể từ ngày báo giá được ký và nằm trong khoảng thời gian tiếp nhận báo giá.

- Các thông tin khác (nếu có).

Rất mong sự hợp tác của các Nhà cung cấp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, HSMS (Thành).

Q. GIÁM ĐỐC

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

(Kèm theo Công văn số 955/BVĐKCL-CNTT ngày 13 tháng 5 năm 2026)

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mô tả yêu cầu / Thông số kỹ thuật	Thời gian thực hiện / Bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính
I	Phần/ lô: Bản quyền phần mềm				
1	Phần mềm hỗ trợ tường lửa Sophos XGS 3300 Standard Protection	- Đảm bảo license hợp lệ, chính hãng (COA - Certificate of Authenticity) và không bị khóa trong quá trình sử dụng. - Thời gian sử dụng: 24 tháng	24 tháng	01	Bản quyền
2	Phần mềm Sophos Endpoint - Server	- Đảm bảo license hợp lệ, chính hãng (COA - Certificate of Authenticity) và không bị khóa trong quá trình sử dụng. - Thời gian sử dụng: 24 tháng	24 tháng	04	Bản quyền
II	Phần/ lô: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng				
1	Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị phòng máy chủ, hệ thống mạng nội bộ năm 2026 – 2028	- Danh mục công việc: <i>Đính kèm Phụ lục 1- Danh mục công việc chi tiết</i>	24 tháng	01	Gói

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC CÔNG VIỆC CHI TIẾT

(Kèm theo Công văn số 955/BVĐKCL-CNTT ngày 13 tháng 5 năm 2026)

Stt	Danh mục công việc	Tần suất thực hiện	Thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng và mô hình tổng thể hệ thống	Kết quả đầu ra
1	<p>Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ: Bảo trì, duy trì cấu hình và chức năng hệ thống đang hoạt động ổn định theo mô tả tại Phụ lục 3, bao gồm:</p> <p>1. Kiểm tra tình trạng phần cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra ổ cứng: Xác định dấu hiệu của lỗi như bad sector hoặc ổ đĩa gần đầy. – Kiểm tra bộ nhớ RAM: Đảm bảo RAM hoạt động bình thường, không gặp lỗi gây giảm hiệu suất hệ thống. – Kiểm tra nguồn điện và nhiệt độ: Đảm bảo nguồn điện ổn định, hệ thống tản nhiệt hoạt động tốt để tránh tình trạng quá nhiệt làm hỏng linh kiện. – Vệ sinh vật lý: <ul style="list-style-type: none"> + Lau vỏ máy, mặt trước, mặt sau + Làm sạch khe tản nhiệt, lưới lọc bụi + Vệ sinh quạt CPU, quạt nguồn, khe RAM, mainboard, ổ cứng. <p>2. Cập nhật phần mềm và vá lỗi bảo mật</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cập nhật hệ điều hành server: Đảm bảo server chạy phiên bản hệ điều hành mới nhất và phù hợp với đơn vị để tránh lỗi thời gây lỗ hổng bảo mật. – Cập nhật phần mềm: Bao gồm ứng dụng, công cụ quản lý liên quan trên server: Vmware, Sql cluster, ... – Kiểm tra và vá lỗi bảo mật: Đảm bảo firewall, antivirus, ... luôn được kích hoạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lần 1: Trong vòng 10 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực. - Lần 2: tháng thứ 6 kể từ ngày ký hợp đồng. - Lần 3: tháng thứ 11 kể từ ngày ký hợp đồng. - Lần 4: tháng thứ 16 kể từ ngày ký hợp đồng. - Lần 5: tháng thứ 20 kể từ ngày ký hợp đồng. - Lần 6: tháng thứ 24 kể từ ngày ký hợp đồng. 	<p><i>Đính kèm Phụ lục 2 - Danh mục thiết bị Phụ lục 3 – Mô hình tổng thể hệ thống</i></p>	<p>- Tất cả các máy trạm truy cập được vào mạng internet, mạng dữ liệu nội bộ và các phần mềm chuyên dụng khác (nếu có).</p>

Stt	Danh mục công việc	Tần suất thực hiện	Thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng và mô hình tổng thể hệ thống	Kết quả đầu ra
	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra xung đột: Đảm bảo bản cập nhật không gây lỗi hệ thống. – Quét malware: Sử dụng công cụ quét virus, phần mềm độc hại. – Cập nhật firewall và IDS/IPS: Đảm bảo các rule firewall chặn truy cập trái phép. <p>3. Kiểm tra và tối ưu hóa hệ thống, lưu trữ dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Dọn dẹp dữ liệu không cần thiết: Loại bỏ file tạm, log lỗi cũ hoặc file không còn sử dụng. – Tối ưu hóa hệ thống lưu trữ: Sử dụng công cụ như RAID để cải thiện hiệu suất và tăng khả năng chịu lỗi của hệ thống lưu trữ. – Kiểm tra bản sao lưu (Backup): Đảm bảo bản backup luôn cập nhật, sẵn sàng sử dụng khi cần. – Cân bằng tải (Load Balancing): Đảm bảo các máy chủ trong cluster phân tải đồng đều. <p>4. Giám sát hiệu suất hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> – Theo dõi tài nguyên sử dụng: CPU, RAM và băng thông mạng. – Kiểm tra nhật ký hệ thống (Logs) <p>5. Kiểm tra hệ thống mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra băng thông: Đảm bảo tốc độ truyền tải dữ liệu ổn định. – Cân bằng tải (Load Balancing): Đảm bảo các đường truyền internet được phân tải đồng đều. – Kiểm tra thiết bị mạng: Router, switch, firewall và các thiết bị liên quan khác. – Kiểm tra tình trạng của hệ thống, thiết bị. Đưa ra cảnh báo sớm nguy cơ hư hỏng, giải pháp cho Bệnh 			

Stt	Danh mục công việc	Tần suất thực hiện	Thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng và mô hình tổng thể hệ thống	Kết quả đầu ra
	<p>viện để có kế hoạch mua sắm thay thế thiết bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra và đưa ra các khuyến nghị bảo mật, các lỗ hổng bảo mật, các đợt tấn công mạng để có kế hoạch trang bị/ phòng tránh. <p>6. Kiểm tra hệ thống dự phòng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra khả năng chuyển đổi sang hệ thống dự phòng (Failover testing) trên máy chủ và trên các đường truyền mạng. <p>7. Xử lý sự cố phát sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> – Theo dõi sau bảo trì: Giám sát hệ thống 24–48 giờ sau bảo trì để phát hiện lỗi tiềm ẩn. – Rollback kế hoạch: có phương án khôi phục hệ thống về trạng thái trước nếu có lỗi nghiêm trọng. <p>8. Lập báo cáo chi tiết 07 nội dung trên và đánh giá hiệu quả bảo trì, sau mỗi lần bảo trì, cần lập báo cáo chi tiết về các công việc đã thực hiện, hiệu quả đạt được và liệt kê các lỗi được khắc phục.</p>			
2	<p>- Hỗ trợ cho mượn thiết bị sử dụng tạm khi xảy ra hư hỏng trong khi chờ bảo hành, sửa chữa hoặc mua sắm thay thế. Trường hợp mua sắm hoặc nâng cấp linh kiện/thiết bị để thay thế cho các thiết bị hư hỏng hoặc mở rộng dung lượng trong bảng danh mục thiết bị, thì các linh kiện/thiết bị mới cũng được tiếp tục bảo trì đến hết thời hạn của hợp đồng.</p>	Khi có phát sinh		
3	<p>- Tư vấn, đề xuất các chính sách bảo mật cho hệ thống mạng.</p> <p>- Tra cứu nhật ký hệ thống (logs), cảnh báo, cập nhật phần mềm (nếu có), khi có các cảnh báo lỗ hổng bảo mật từ cơ quan chức năng thì <i>xử lý theo khuyến cáo</i> của cơ quan</p>	Khi có yêu cầu từ bệnh viện		

Stt	Danh mục công việc	Tần suất thực hiện	Thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng và mô hình tổng thể hệ thống	Kết quả đầu ra
	chức năng (nếu có) và <u>lập báo cáo bằng văn bản</u> .			
4	- Quản lý, phân quyền truy cập mạng LAN, internet của các máy trạm trong hệ thống mạng. <u>Đồng thời cấu hình cho phép hoặc không cho phép máy tính mới truy cập vào hệ thống mạng.</u>	Khi có yêu cầu từ bệnh viện		
5	<p>- Hỗ trợ qua kênh: cung cấp tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn, xử lý từ xa.</p> <p>Bên bảo trì tiếp nhận và phản hồi sự cố khi nhận thông tin từ Bệnh viện; thực hiện hỗ trợ từ xa lập tức. Trường hợp không thể xử lý từ xa, phải có mặt tại Bệnh viện trong vòng 04 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin.</p> <p>Thời gian khắc phục sự cố được quy định tối đa 12 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận thông tin. Trường hợp quá thời gian này mà sự cố chưa được khắc phục hoàn toàn hoặc hệ thống chưa hoạt động ổn định, Bệnh viện có quyền thuê đơn vị thứ ba để xử lý.</p> <p>Việc thuê đơn vị thứ ba được thông báo cho bên bảo trì; chi phí phát sinh hợp lý, hợp lệ sẽ do bên bảo trì chịu trách nhiệm thanh toán.</p> <p>Các trường hợp sự cố do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, sự cố hạ tầng diện rộng, yêu cầu từ cơ quan chức năng...) sẽ được hai bên xem xét, thống nhất phương án xử lý và thời gian khắc phục.</p> <p>- Cung cấp đường dây nóng (hotline) hoạt động 24/24 để Bệnh viện liên hệ khi phát sinh sự cố.</p> <p>Tư vấn, hỗ trợ, cài đặt các phần mềm sao lưu dữ liệu và giám sát hạ tầng mạng.</p>	Khi có yêu cầu từ bệnh viện hoặc khi có phát sinh sự cố		
6	Trong thời gian bảo trì việc chuyển giao, sử dụng dữ liệu cho bên thứ ba phải có sự chấp thuận bằng văn bản của	Khi kết thúc bảo trì		

Stt	Danh mục công việc	Tần suất thực hiện	Thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng và mô hình tổng thể hệ thống	Kết quả đầu ra
	Bệnh viện. Bàn giao toàn bộ dữ liệu, tài liệu liên quan, cam kết xoá bỏ hoàn toàn mọi bản sao dữ liệu khỏi hệ thống của mình. Cam kết bảo mật dữ liệu của Bệnh viện (bằng văn bản) Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật cho nhà cung cấp dịch vụ bảo trì mới.			
Tổng cộng: 06 khoản				

PHỤ LỤC 2 – DANH MỤC THIẾT BỊ

(Kèm theo Công văn số 955/BVĐKCL-CNTT ngày 13 tháng 5 năm 2026)

Stt	Tên thiết bị	Ký hiệu/ Model	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Hết hạn bảo hành
1	Máy chủ	Dell PowerEdge R750xs	<ul style="list-style-type: none">- Số Service Tag: 57FC9X3 ; 52SB9X3- Mainboard: Intel C620 series chipset, Hỗ trợ: 16 đĩa cứng- CPU: Intel Xeon Gold 5317 3G, 12C/24T, 11.2GT/s, 18M Cache, Turbo, HT (150W)- 128GB RAM, 4x 32GB RDIMM, 3200MT/s, Dual Rank 16Gb BASE x8 (Hỗ trợ 1TB).- 3 x 480GB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD.- PERC H745 Raid Controller 4GB RAM, Support RAID 0/1/5/6/10/50/60.- 2 x 1Gbps BaseT, 2 x 10GbE BaseT, 2 x 16Gb Fibre Channel HBA.- 2 x 800W Power Supply.- VMware vSphere 8 Standard for 1 CPU, up to 32 cores, 3 Year License and Subscription.	Bộ	02	2023	20/06/2026
2	Hệ thống lưu trữ	IBM FlashSystem 5035 SFF Control Enclosure	<ul style="list-style-type: none">- Serial No: 781X7G4- 2 controller, mỗi controller sử dụng CPU 6 core.- Bộ nhớ đệm 64GB.- 6 x 1.92TB 12 Gb SAS 2.5” Flash Drive.- Hỗ trợ công nghệ Distributed RAID 1/5/6 bảo vệ dữ liệu khi lỗi đĩa cứng.- 4 x 10Gbps BaseT (RJ45), 8 x 16GB FC host port, 8 x Fiber Cable (LC).- Hỗ trợ IOPs: 1.200.000 IPOs.- Bandwidth: 12GB/s.	Cái	01	2023	06/2026

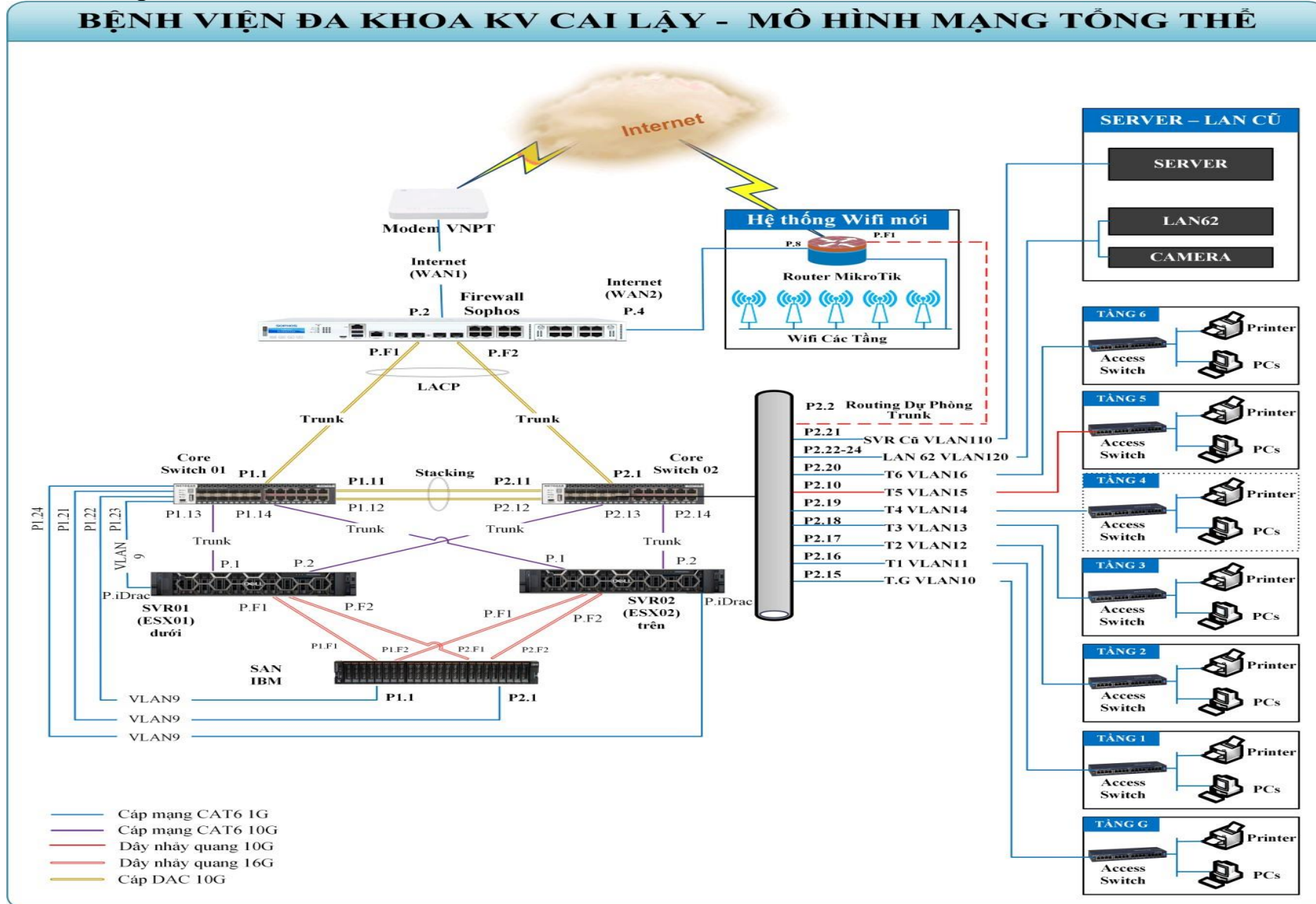
Stt	Tên thiết bị	Ký hiệu/ Model	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	DVT	Số lượng	Năm sử dụng	Hết hạn bảo hành
3	Thiết bị tường lửa	Sophos XGS 3300	<ul style="list-style-type: none"> - Serial No: X3301242CJJMF3D - Sử dụng kiến trúc Dual-Processor architecture - 8 x GE copper, 2 x SFP fiber, 2 x SFP+ 10 GbE fiber, 1x Bypass port pairs. - 1xRJ45 MGMT, 1xCOM RJ45, 1xCOM Micro-USB, 1xFlexi port slots. - Tích hợp sẵn 240 GB SATA-III SSD. - Thông lượng tường lửa: 40.000 Mbps. - Thông lượng IMIX : 24.500 Mbps. - Thông lượng IPsec VPN : 6.500 Mbps. - Thông lượng IPS : 13.440 Mbps. - Thông lượng Threat Protection: 2.770 Mbps. - Số lượng kết nối đồng thời: 13.700.000. - Số lượng kết nối mới/giây: 257.800. - Thông lượng SSL/TLS Inspection: 3.130 Mbps. - Số lượng kết nối đồng thời SSL/TLS : 102.400. 	Cái	01	2023	06/2026
4	Thiết bị chuyển mạch trung tâm	Netgear Managed Switch M4300 - 12X12F	<ul style="list-style-type: none"> - Serial No: 6A69247Y00006 ; 6A6924760000D - CPU: 800Mhz. - RAM: 1GB. - Flash: 256MB. - Packet Buffer Memory: 32MB. - 12 port 10GBASE-T (RJ45), 12 port 10GBASE-X (SFP+), 1 Console RJ45, 1 Console Mini USB, 1 USB. - Switching fabric: 480 Gbps, Throughput: 357 Mpp. - Hỗ trợ switching layer 2, layer 3 và layer 4. - Kết nối tối đa iSCSI: 192. - Cho phép stacking giữa các thiết bị bằng nhiều loại công đồng thời: 40Gb/10Gb giữa các thiết bị cùng dòng (series) với nhau (khác model). Có thể Stack giữ dòng switch 1G với 10Gbps như S3300 với M4300 	Cái	02	2022	06/2026

Stt	Tên thiết bị	Ký hiệu/ Model	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	DVT	Số lượng	Năm sử dụng	Hết hạn bảo hành
			- Cho phép sử dụng đồng thời: RJ45, SFP+, DAC cáp.				
5	Thiết bị định tuyến	Mikrotik CCR2116-12G-4S+	+ CPU: AL73400 16 Core 2 GHz+ RAM: 16 GB, Storage: 128MB. + Khe M.2 PCIe cho phép lắp đặt thêm ổ đĩa SSD nâng cấp dung lượng lên theo nhu cầu sử dụng, tối đa 8TB + 12x 10/100/1000 Ethernet ports, 4x 10G SFP+ cages, 1 Console Port RJ45, 1Gbps RJ45 Boot/Ethernet port + AC inputs: 2, AC input range (V): 100 – 240. + Included parts: 2x IEC cord, Rackmount bracket, K-57 Screw kit	Cái	01	2023	07/2024
6	Thiết bị lưu trữ NAS Synology	Thiết bị lưu trữ NAS Network Attached Storage DS1517+	- Serial No: 1880PJN382201 - CPU: Intel Atom C2538 Quad Core 2.4GHz - RAM: 8 GB DDR3 SO-DIMM - Số lượng ổ đĩa: 4 x HDD 3.5" Toshiba 6TB NAS SATA 7200RPM 128MB Cache (MN05ACA600) - Cổng mạng: 4 x 1GbE RJ-45 - Cổng USB: 4 x USB 3.0	Cái	01	2020	Hết bảo hành
Tổng cộng: 06 khoản							

PHỤ LỤC 3 – MÔ HÌNH TỔNG THỂ HỆ THỐNG

(Kèm theo Công văn số 955/BVĐKCL-CNTT ngày 13 tháng 5 năm 2026)

1. Mô hình tổng thể



2. Sơ đồ đầu nối vật lý

Sơ đồ đầu nối vật lý Core switch

Port SW (SW01)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Kết nối tới	FW.F1										SW2 P11	SW2 P12

Port SW (SW01)	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Kết nối tới	Svr1 P1	Svr2 P1							SAN MGNT.1	SAN MGMT.2	Svr1 idirect	Svr2 idirect

Port SW (SW02)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Kết nối tới	FW.F2	Mikrotik F1								Tầng 5	SW1 P11	SW1 P12

Port SW (SW02)	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Kết nối tới	Svr1 P2	Svr2 P2	Tầng G	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 6	Server Cũ	LAN 62	LAN 62	LAN 62

Sơ đồ đầu nối Firewall

Firewall XGS3300	F1	F2	F3	F4	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8
Kết nối tới	SW1 P1	SW2 P2				WAN VNPT		WAN MikroTik				

Sơ đồ đầu nối hệ thống lưu trữ SAN

SAN IBM 5035	Controller 1						Controller 2					
	F1	F2	F3	F4	P1	P2	F1	F2	F3	F4	P1	P2
Kết nối tới	Svr1 F1	Svr2 F1			Sw01 P22		Svr1 F2	Svr2 F2			SW01 P21	

Sơ đồ đầu nối Máy chủ

Server	Server 1							Server 2						
	F1	F2	P1 1G	P2 1G	P1 10G	P2 10G	IDirect	F1	F2	P1 1G	P2 1G	P1 10G	P2 10G	IDirect
Kết nối tới	SAN Ctrl 1. P1	SAN Ctrl 2. P1			SW1 P13	SW2 P13	SW1 P 23	SAN Ctrl 1. P2	SAN Ctrl 2 P2			SW1 P14	SW2 P14	SW1 P24

3. Thông tin phân chia các lớp mạng

STT	Vlan	Name	Networks	Gateway	DHCP	Comment
1	10	Vlan10_TG	192.168.10.0/24	192.168.10.1	192.168.10.21->254	Mạng Tầng G
2	11	Vlan11_T1	192.168.11.0/24	192.168.11.1	192.168.11.21->254	Mạng Tầng 1
3	12	Vlan12_T2	192.168.12.0/24	192.168.12.1	192.168.12.21->254	Mạng Tầng 2
4	13	Vlan13_T3	192.168.13.0/24	192.168.13.1	192.168.13.21->254	Mạng Tầng 3
5	14	Vlan14_T4	192.168.14.0/24	192.168.14.1	192.168.14.21->254	Mạng Tầng 4
6	15	Vlan15_T5	192.168.15.0/24	192.168.15.1	192.168.15.21->254	Mạng Tầng 5
7	16	Vlan16_T6	192.168.16.0/24	192.168.16.1	192.168.16.21->254	Mạng Tầng 6
8	9	Vlan9_MNGMT	192.168.9.0/24	192.168.9.1		Quản trị thiết bị
9	100	Vlan100_SVR_Mới	192.168.100.0/24	192.168.100.1	192.168.100.200->254	Lớp server mới
10	110	Vlan110_SVR_Cũ	192.168.1.0/24	192.168.1.1		Lớp server cũ
11	120	Vlan120_LAN_Cũ	192.168.63.254/23	192.168.63.254		Lớp mạng LAN cũ

BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 955/BVĐKCL-CNTT ngày 13 tháng 5 năm 2026)

Tên nhà cung cấp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại liên hệ: ...

Email: ...

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa, dịch vụ như sau:

Đvt: đồng

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tên thương mại (nếu có)	Mô tả yêu cầu/ Thông số kỹ thuật	Thời gian thực hiện/ Bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá ¹	Thành tiền
1								
n	...							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày, kể từ ngày ký báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện của hãng sản xuất/ nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

¹ Giá trên đã bao gồm thuế VAT, giao hàng và các chi phí có liên quan (nếu có)